

VĂN HÓA TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC CỦA HỒ CHÍ MINH

■ TẠ NGỌC TẤN (*)

C húng ta đang sống trong một thời đại mà khoa học, kỹ thuật và công nghệ đã đem đến những biến đổi cực kỳ lớn lao cho cuộc sống của con người, trở thành động lực cực kỳ quan trọng đối với sự phát triển của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Nhưng cũng chính ở thời điểm này, nhiều vấn đề tiêu cực và khủng hoảng về xã hội đã nảy sinh trong đời sống, buộc chúng ta phải nhìn nhận lại yêu cầu phát triển bền vững với vai trò, vị trí đặc biệt của văn hoá. Vì lẽ đó, trở lại với di sản văn hoá của Hồ Chí Minh, trong đó tư tưởng về vai trò và vị trí của văn hoá trong chiến lược phát triển đất nước là một vấn đề vừa có ý nghĩa chiến lược vừa mang ý nghĩa thời sự quan trọng.

1

Hơn nửa thế kỷ trước, trong một số ghi chép ở trang cuối cùng của "Nhật ký trong tù" Chủ tịch Hồ Chí Minh viết "ý nghĩa của văn hoá: vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn hoá, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về ăn, mặc, ở và các phương thức sử dụng, toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá". Từ nhận thức ấy, Hồ Chí Minh đưa ra khái niệm về văn

hóa: "Văn hoá là sự tổng hợp một phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng với những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"⁽¹⁾. Có thể nói, đây là một cách tiếp cận văn hóa từ ý nghĩa khái quát, đặc trưng nhất của nó, một định nghĩa cô đọng và chính xác về văn hóa.

Quan niệm của Hồ Chí Minh về văn hóa là xuất phát từ cách tiếp cận mác-xít và rất gần gũi với nhận thức hiện đại, khi coi văn hoá không chỉ đơn thuần là đời sống tinh thần của con người – xã hội (theo cách phân khúc rời rạc), mà từ trong bản chất của mình, nó chính là linh hồn, là hệ thần kinh của một xã hội, là sức mạnh trường tồn của cả dân tộc, là sức sống vươn lên của thời đại. Văn hoá không phải là toàn bộ đời sống con người xã hội, mà là phần cốt tử, là tinh hoa được chưng cất, kết tụ nên cái bản chất, bản sắc, tính cách của dân tộc, của thời đại. Nó được thăng hoa từ hơi thở cuộc sống, từ năng lực, trình độ và phương thức sống của mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng. Và đến lượt mình, văn hóa hiện diện trong mọi hoạt động từ suy tư đến hành động thực tế, từ hoạt động cá nhân đến những vận động xã hội, từ hoạt động vật chất đến những sáng tạo tinh thần, những phát minh, sáng chế, tạo ra những giá trị mới của sản xuất vật chất, khoa học – kỹ thuật – công nghệ, văn học – nghệ thuật.

(*) Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản

Năm 1970, nghĩa là gần 30 năm sau thời điểm Hồ Chí Minh viết những lời này, tại Hội nghị liên chính phủ về các chính sách văn hóa họp ở Venise (Italia), UNESCO đã thừa nhận khái niệm do F. Mayor – nguyên Tổng giám đốc của tổ chức này đưa ra là khái niệm chung, chính thức của cộng đồng quốc tế về văn hóa: “Văn hóa bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại nhất cho đến tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lối sống và lao động”. Nếu so sánh, có thể thấy, khái niệm này của UNESCO về văn hóa có nội dung cơ bản như nội dung khái niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cái khác nhau của hai khái niệm này là ở chỗ, khái niệm của ông F. Mayor chỉ nhấn mạnh đến tính đặc thù của các giá trị văn hóa, tức là “cái làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác”. Còn đối với khái niệm về văn hóa của Hồ Chí Minh, văn hóa không chỉ là cái tạo nên tính đặc thù của dân tộc, mà phải còn là những giá trị nhằm thích ứng với những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn. “Nhu cầu đời sống” của con người luôn phát triển cũng như “đòi hỏi của sự sinh tồn” của xã hội loài người luôn luôn nâng cao, hoàn thiện. Cũng có nghĩa, nói đến văn hoá là nói đến giá trị, nhưng là những giá trị kết tinh lao động sáng tạo của con người trên các bình diện hoạt động nhằm cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội và cải tạo chính bản thân mình, hướng tới chân, thiện, mỹ, tức là hướng tới sự tốt đẹp, nhân văn và không ngừng hoàn thiện của nhân loại. Nói đến văn hóa không chỉ là nói đến những giá trị tinh, kết tinh ngưng đọng, mà còn là sự vận động, phát triển và hoàn thiện những giá trị ấy trong thời gian và không gian.

Từ nhận thức khái quát về văn hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra một cách cụ thể về nội dung, yêu cầu xây dựng nền văn hóa của đất nước. Người viết tiếp: “Năm điểm lớn xây dựng nền văn hoá dân tộc” là:

1. Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường;
2. Xây dựng luận lý: biết hy sinh mình làm lợi cho quần chúng;
3. Xây dựng xã hội: một sự nghiệp có liên

quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội;

4. Xây dựng chính trị: dân quyền;
5. Xây dựng kinh tế⁽²⁾.

Việc chỉ ra những điểm lớn trên chứng tỏ rằng, khi phân định nội hàm khái niệm văn hóa, Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ rằng, xây dựng nền văn hoá dân tộc phải đặt trong mối quan hệ qua lại với các mặt khác của đời sống dân tộc như: “tâm lý”, “luận lý”, “xã hội”, “chính trị”, “kinh tế”. Xây dựng văn hóa phải gắn liền với từng bình diện ấy, làm cho văn hóa trở thành phẩm chất tốt đẹp, đặc trưng riêng có và ý nghĩa tích cực của những lĩnh vực đời sống đó.

Tóm lại, có thể nói rằng, ngay từ năm 1943, quan điểm về văn hoá và nền văn hoá dân tộc của Hồ Chí Minh đã tỏ rõ tính hiện đại. Quan điểm này thể hiện tầm chiến lược thiên tài của Người trong việc xác định vai trò, vị trí và những tiêu chí cơ bản nhằm định hướng phát triển cho nền văn hoá Việt Nam làm cơ sở cho sự phát triển toàn diện của xã hội Việt Nam tương lai.

2

Hồ Chí Minh quan niệm, xây dựng về “tâm lý” là xây dựng “Tinh thần độc lập tự cường”, cũng có nghĩa là sự giáo dục, định hướng để hun đúc nên tình yêu đất nước, niềm tự hào dân tộc, ý chí tự chủ, tự cường. Đó chính là cơ sở nền tảng bảo đảm cho sự đoàn kết, đồng thuận dân tộc, điều kiện để tạo nên sức mạnh bảo vệ độc lập dân tộc, chống lại mọi sự xâm hại từ bên ngoài. Lịch sử tồn tại, phát triển của dân tộc Việt Nam đã là minh chứng hiển nhiên về bài học xương máu đó. Đối với các dân tộc khác trên thế giới, muốn tồn tại, vượt qua những nguy cơ xâm lược, đồng hóa hay chèn ép, xung đột để phát triển đều phải khẳng định một sức mạnh tinh thần to lớn từ độc lập tự cường. Chỉ có điều, biểu hiện của tinh thần độc lập tự cường ấy ở mỗi nước, tùy theo những điều kiện đặc điểm khác nhau mà thể hiện một cách sinh động, đa dạng. Đó cũng chính là một đặc tính văn hóa, một “cái làm cho dân tộc này khác với dân tộc khác”.

Có thể nói, quan điểm xây dựng văn hóa về “tâm lý” với nội dung là “tinh thần độc lập tự cường” là xuyên suốt và nhất quán trong nhận



thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trên hành trình tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tìm đến chủ nghĩa Mác – Lênin và Người nhận ra rằng, đó chính là con đường giải phóng dân tộc khỏi áp bức, lầm than. Sau này, cho dù trong những thời điểm thử thách khắc nghiệt nhất đối với quan điểm chính trị của mình hay trong thực tiễn cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh luôn kiên định quan điểm về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”⁽³⁾. Và chân lý nổi tiếng mà Hồ Chí Minh đã tổng kết từ thực tiễn lịch sử của thế giới và từ chính những bài học xương máu của lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam là “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Càng nhận thức sâu sắc về ý nghĩa của vấn đề dân tộc trong cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN), Hồ Chí Minh càng thấu hiểu hơn ý nghĩa của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chính vì thế, Người đã khẳng định, một trong số bài học lớn của Cách mạng Tháng Mười Nga là: “Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trong cách mạng giải phóng dân tộc cũng như trong cách mạng XHCN. Trong thời đại ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới; cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng XHCN thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn”⁽⁴⁾.

Cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu hiện sinh động, là tấm gương sáng rõ nhất về sự kết hợp hài hòa giữa những giá trị dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giữa lòng yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Người đã đi khắp năm châu bốn biển, hoạt động như một chiến sỹ quốc tế nhưng tình yêu nước, thương nòi cùng những bản sắc con người Việt Nam của Người không những không phai nhạt đi mà càng sâu sắc, đậm đà hơn lên. Trong khi tận tâm, tận lực vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, Người cũng ý thức rất sâu sắc về chủ nghĩa quốc tế vô sản, về sự đoàn kết của phong trào công nhân, cộng sản thế giới và đã xử lý vô cùng khéo léo, có trách nhiệm mối quan hệ giữa các Đảng Cộng sản, các quốc gia và dân tộc khác trên thế giới.

Từ nhận thức về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đã rút ra bài học sâu sắc về quan hệ gắn bó giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi đó như một trong số điều kiện hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trở lại yêu cầu về xây dựng văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề đặt ra là phải giáo dục, quán triệt nhận thức đó, bài học đó thành tư tưởng, tình cảm, hành vi, lối sống của mỗi con người, thành một giá trị xã hội của Việt Nam. Đó cũng chính là kết quả hướng tới của sự phát triển con người Việt Nam, đồng thời là điều kiện sống còn bảo đảm cho thắng lợi của cách mạng XHCN ở nước ta.

Xây dựng văn hóa về mặt “*luân lý*”, theo cách hiểu của Hồ Chí Minh, chính là sự hình thành và không ngừng hoàn thiện về tư tưởng, lối sống mà nội dung trung tâm, quan trọng nhất của nó là “*biết hy sinh làm lợi cho quần chúng*”. Đó là nội dung quan trọng nhất của những chuẩn mực đạo đức xã hội mà con người chúng ta nói chung hay mỗi cán bộ cách mạng nói riêng cần hướng tới. Tiêu chuẩn con người cán bộ “*cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*” chính là sự phát triển đầy đủ hơn từ tiêu chí xây

*Muôn người gắng sức thi đua, xây bờ cõi Tiên Rồng cường thịnh;
Cả nước đồng tâm phấn đấu, dựng cơ đồ Đại Việt trường tồn*

THÔN TRANG

dựng văn hóa này. Đây cũng chính là yêu cầu sống còn về xây dựng chủ nghĩa xã hội, bởi vì, như sau này Hồ Chí Minh đã nhắc lại rất nhiều lần rằng, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người XHCN” mà yêu cầu đầu tiên, quyết định của con người XHCN phải “đi đến hoàn toàn không có chủ nghĩa cá nhân”⁽⁵⁾. Một trong những bài viết cuối cùng, bài “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, nhân dịp kỷ niệm 39 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1969), Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa... Cũng do cá nhân chủ nghĩa mà mất đoàn kết, thiếu tinh tổ chức, kỷ luật... Tóm lại, do cá nhân chủ nghĩa mà phạm nhiều sai lầm”. Chính vì thế, Người yêu cầu: “Mỗi cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết. Phải kiên quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân, nâng cao đạo đức cách mạng, bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tinh tổ chức và tinh kỷ luật”⁽⁶⁾.

Nói cách khác, xây dựng văn hóa về “luân lý” chính là xây dựng văn hóa sống của con người. Trong các chế độ xã hội dựa trên nền tảng của chế độ tư hữu thì chính quan hệ bóc lột, bất công bằng giữa người với người tạo thành những yếu tố, điều kiện một cách tự nhiên, thúc đẩy con người đi tới chủ nghĩa cá nhân, hình thành lối sống vụ lợi, ích kỷ. Sự thắng thế của quan hệ nhân đạo, của chủ nghĩa nhân văn, của sự hy sinh, xả thân cho lợi ích cộng đồng, đồng loại chỉ có ý nghĩa nhất thời, gắn với các giá trị yêu nước, dân tộc và về tổng thể, luôn chỉ giữ thế yếu so với sự vụ lợi, với chủ nghĩa cá nhân. Nếu chủ nghĩa xã hội là một cuộc cách mạng thì ý nghĩa cách mạng sâu sắc nhất, cũng là gay gắt nhất chính là sự biến đổi trong văn hóa sống của con người, là sự giải thoát con người khỏi chủ nghĩa cá nhân để hình thành và dần dần hoàn thiện văn hóa sống nhân văn cao cả, đặt lợi ích của dân tộc, đất nước và của chế độ lên trên hết, đặt lợi ích cá nhân trong sự hài hòa với lợi ích của tập thể. Đó cũng chính là cốt lõi văn hóa của con người

mà chủ nghĩa xã hội hướng tới, là mục đích phát triển của chế độ XHCN. Ý nghĩa cách mạng vô cùng sâu sắc của sự biến đổi này chính là do sự phức tạp, gay gắt trong cuộc đấu tranh tư tưởng của mỗi cá nhân con người cũng như cả xã hội để vượt qua những tập quán sống đã hình thành, khắc sâu vào lối sống xã hội con người trong suốt chiều dài lịch sử đã qua, để hình thành và dần hoàn thiện một thang giá trị mới mẻ trong mỗi con người và trong cả cộng đồng xã hội. Đến lượt nó, chính sự hình thành văn hóa sống trở thành tiêu chí để đánh giá những kết quả của cách mạng, thành điều kiện của sự phát triển của chế độ XHCN.

Bàn đến nội dung xây dựng văn hóa về “xã hội”, Hồ Chí Minh coi đó là “một sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội”. Ở bình diện này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến cả “một sự nghiệp”. Điều ấy có thể hiểu là việc phấn đấu cho phúc lợi của nhân dân là yêu cầu quyết định, thể hiện tính bản chất của chế độ. Nó phải được phản ánh trong mục tiêu, trong mô thức xây dựng, trong cơ chế vận hành của cả chế độ. Nó đồng thời phải trở thành tất yếu trong xã hội, trong mỗi thành viên, mỗi bộ phận hợp thành của chế độ xã hội. Đây chính là nhận thức nhất quán, chỉ đạo hành động trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 1946, ngay sau cách mạng Tháng Tám, Người khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”⁽⁷⁾. Khi nói về chủ nghĩa xã hội, nhiều lần Hồ Chí Minh đã đặt “phúc lợi của nhân dân” như là ý nghĩa quan trọng nhất của khái niệm này. “Chủ nghĩa xã hội là mọi người dân được áo ấm cơm no, nhà ở tử tế, được học hành”⁽⁸⁾; “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động được thì nghỉ”⁽⁹⁾... Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn nhận “phúc lợi” không đơn thuần là những giá trị vật chất, đương nhiên đó là những giá trị đầu tiên không



thể thiếu. Đó còn là những yêu cầu về “tự do”, “dân chủ”, “học hành”, “nghỉ ngơi”, những điều kiện cần và đủ cho con người phát triển một cách toàn diện.

Từ nhận thức về văn hóa trong nội dung xây dựng về xã hội, càng thấy rõ ý nghĩa nhân văn như là cốt cách, là bản chất, xuyên suốt trong tất cả các bình diện tư tưởng của Hồ Chí Minh. Xây dựng văn hóa về nội dung xã hội cũng có nghĩa là mang lại cho xã hội ý nghĩa nhân văn cao cả ấy. Điều ấy cũng có nghĩa không đơn thuần là đạt được những kết quả về phúc lợi xã hội, mà hơn thế, bao gồm cả cách thức đạt được những phúc lợi ấy như thế nào, sử dụng những phúc lợi ấy ra sao, những phúc lợi ấy mang lại gì cho sự phát triển tốt đẹp của con người. Sinh thời khi nói đến vấn đề phân phối hàng hóa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng”. Ở đây, phương thức phân phối “công bằng” được đánh giá về tầm quan trọng cao hơn số lượng nhiều hay ít sản phẩm phân phối. Đương nhiên, nói như thế không có nghĩa là số lượng sản phẩm không quan trọng. Nhưng trong hoàn cảnh cụ thể, rõ ràng cách phân phối sẽ quyết định mối quan hệ và thái độ của những người được tham gia phân phối. Đó cũng chính là một biểu hiện cụ thể của ý nghĩa văn hóa.

Đất nước ta còn không ít khó khăn, nền kinh tế chưa phát triển đến mức đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu phúc lợi phong phú của nhân dân. Chính vì thế, việc thúc đẩy phát triển kinh tế, làm giàu, không ngừng tăng thêm phúc lợi cho nhân dân là một đòi hỏi khách quan, cấp thiết. Nhưng điều đó không cho phép chúng ta quên đi việc giáo dục về văn hóa trong phân phối, hưởng thụ các nguồn phúc lợi xã hội.

Về nội dung xây dựng “chính trị”, theo Hồ Chí Minh đó chính là “dân quyền”. Văn hoá chính trị chính là mang lại và bảo đảm được “dân quyền”. Ở đây, *dân quyền* không chỉ là những quyền trên các lĩnh vực đời sống mà người dân được hưởng ngày càng đầy đủ, càng có ý nghĩa tốt đẹp cho sự phát triển toàn diện, mà còn là những quyền lợi – lợi ích mà xã hội mang lại cho nhân dân ngày càng đầy đủ hơn,

ngày càng giúp cho cuộc sống của người dân hạnh phúc hơn, tiến bộ hơn. Có nghĩa là, hiểu *dân quyền* theo nhận thức văn hóa không chỉ là những quyền và lợi mà nền chính trị mang lại cho người dân, mà còn là cách mang lại như thế nào và ý nghĩa của những quyền và lợi ấy ra sao, có ý nghĩa tốt đẹp đến đâu đối với xã hội.

Đối với nội dung “xây dựng kinh tế”, Hồ Chí Minh không đặt ra tiêu chí định hướng như những lĩnh vực khác. Nhưng theo cách đặt vấn đề từ những điểm trước đó có thể thấy, văn hoá được Hồ Chí Minh coi là mục tiêu của xây dựng kinh tế, đồng thời văn hoá cũng là nội lực mạnh mẽ của việc xây dựng nền kinh tế đó. Truyền thống văn hoá, sức mạnh văn hoá trong nguồn nhân lực, trong trình độ tổ chức lao động sản xuất, quản lý kinh tế xã hội, văn hoá trong kinh doanh, trong quan hệ doanh nghiệp là động lực bên trong của quá trình phát triển kinh tế, phát triển xã hội và con người. Một nền kinh tế phát triển tốt đẹp chỉ khi nó gắn bó với những giá trị văn hóa, kết tinh trong nó những giá trị văn hóa, làm giàu có thêm và thúc đẩy sự phát triển của những giá trị văn hóa của dân tộc, của đất nước. Ở một khía cạnh nào đó, có thể thấy tư tưởng phát triển các lĩnh vực văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất gần gũi với quan điểm phát triển bền vững hiện đại.

Có thể nói, với Hồ Chí Minh, văn hoá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước. Nó không chỉ là mục tiêu phấn đấu vươn tới những giá trị cao đẹp cho cuộc sống mà còn có vai trò nền tảng và sức mạnh động lực hết sức to lớn trong phát triển các bình diện đời sống kinh tế – xã hội □

Ghi chú:

(1) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 3 (1930–1945), Nxb CTQG, Hà Nội, 2009, tr.431.

(2) Sđđ, tr. 431.

(3), (5) Sđđ, tập 9, tr. 314; 448.

(4), (6) Sđđ, tập 12, tr. 305; 438–439.

(7) Sđđ, tập 4, tr. 161.

(8), (9) Sđđ, tập 10, tr. 72; 91.